

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

NĂM 2011

TP HỒ CHÍ MINH
THÁNG 3/2011

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Thời gian: Lúc 13h00, Thứ ba, Ngày 22/03/2011

Địa điểm: Hội trường Nhà Khách T78, 145 Lý Chính Thắng, Q3, Tp.HCM

CHƯƠNG TRÌNH

13h00-14h00	Đăng ký danh sách Đại biểu
	Giới thiệu Đại biểu
14h00-14h15	Diễn văn khai mạc Đại hội
	Báo cáo xác nhận tư cách Đại biểu
14h15-14h20	Thông qua chương trình Đại hội
14h20-14h25	Giới thiệu chủ tọa Đại hội
14h25-14h30	Bầu ban thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội
	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2010
	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 2011
	Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 2010.
	Xem xét thông qua các tờ trình:
14h30-15h10	<ol style="list-style-type: none">1. Tờ trình trích lập các quỹ năm 20102. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán năm 20113. Tờ trình về tổ chức nhân sự của SACOM Group4. Tờ trình sửa đổi điều lệ hoạt động Công ty5. Tờ trình bầu và cơ cấu lại Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát6. Tờ trình quỹ lương, đơn giá tiền lương năm 2011 của Công ty, thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2011
15h20-15h30	Báo cáo của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2008-2011
15h30-15h50	Bầu lại HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2011-2015
15h50-16h05	Nghỉ giải lao, điểm tâm nhẹ
16h05-16h15	Sửa đổi điều lệ
16h15-17h15	Đại biểu phát biểu ý kiến và thông qua các báo cáo
17h15-17h25	Công bố kết quả bầu cử HĐQT và BKS
17h25-17h30	Tổng kết và bế mạc Đại hội

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

VPGD: 152/11B Điện Biên Phủ, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM

Tel: (08) 35122930 – Fax: (08) 35122919



QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

(TÊN CŨ : CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG)

Điều 1: Mục tiêu:

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.
3. Quy chế này quy định trật tự Đại hội, thể thức thực hiện quyền của cổ đông, trách nhiệm của Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu và những vấn đề có liên quan.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định thể thức tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đầu tư và phát triển SACOM (tên cũ: Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông) và quyền, nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội.
2. Các cổ đông của Công ty và các đối tượng tham dự đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Quyền của các cổ đông khi tham dự đại hội

1. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện tham dự đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của đại hội.
2. Được Ban tổ chức đại hội thông báo mời họp qua báo chí và trên website của công ty (www.sacom.com.vn) và chương trình đại hội, tài liệu đại hội để xem xét và thảo luận trực tiếp tại đại hội.
3. Được phát thẻ biểu quyết với số phiếu biểu quyết. Quyền biểu quyết theo thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà cổ đông đăng ký sở hữu hoặc đại diện.
4. Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

Điều 4. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội

1. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
2. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

3. Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự đại hội.
4. Mang theo giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền) và giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu), trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
 - Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền
 - Trường hợp là tổ chức thì phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ của tổ chức đó ký và đóng dấu.
5. Ngồi vào vị trí theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội
6. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội
7. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động tắt hoặc không để chế độ chuông trong suốt thời gian diễn ra Đại hội.
8. Giữ gìn trật tự cho đến khi kết thúc Đại hội

Điều 5. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

1. Việc thông qua quy chế làm việc tại Đại hội, Đoàn chủ tịch, Chương trình Đại hội, Bầu Ban kiểm phiếu, thông qua Nghị quyết và Biên bản làm việc của Đại hội được biểu quyết theo nguyên tắc đa số thành viên tham dự đại hội tán thành, bằng phương thức giơ tay biểu quyết.
2. Các vấn đề quan trọng khác là nội dung chính của chương trình Đại hội được thông qua bằng phương thức bỏ phiếu biểu quyết. Mỗi cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết.
3. Thẻ thức bỏ phiếu bằng phiếu biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, hoặc có ý kiến khác) về một nội dung nào đó bằng cách đánh dấu hoặc ghi vào vị trí thích hợp trên thẻ biểu quyết. Phiếu biểu quyết được coi là không hợp lệ nếu cổ đông đánh dấu vào cả hai trong ba ô: đồng ý, không đồng ý, có ý kiến khác hoặc cổ đông không đánh dấu vào cả ba ô này
4. Việc thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông bằng phương thức bỏ phiếu biểu quyết: Theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, các quyết định được thông qua tại Đại hội cổ đông khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 6. Phát biểu ý kiến tại Đại hội.

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu ý kiến theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của chủ tọa

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, quy chế đã được Đại hội thông qua.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội.

4. Có quyền trì hoãn đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của đại hội.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban thư ký.

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu:

1. Hướng dẫn việc bỏ phiếu biểu quyết.
2. Làm việc trung thực, khách quan
3. Phát phiếu và thu phiếu bầu cử, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu.
4. Báo cáo với Đại hội cổ đông về kết quả kiểm phiếu, xác định và báo cáo với Đại hội cổ đông về những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại liên quan đến việc kiểm phiếu.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Tất cả nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Những nội dung thuộc chương trình Đại hội đã được đại hội biểu quyết thông qua phải được phản ánh trong Nghị quyết của Đại hội.
3. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua tại Đại hội

Điều 11. Xử lý trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông không thành

1. Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại Điều 6 quy chế này thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng từ 10 đến 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành. Thời gian và địa điểm tổ chức đại hội lần 2 được thông báo ngay tại đại hội và thông qua báo chí, trên website của công ty.
2. Trong Đại hội đồng cổ đông thành lập triệu tập lại (đại hội lần thứ 2) cần có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng từ 10 đến 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập đại hội lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần 2. Thời gian và địa điểm tổ chức đại hội lần 2 được thông báo ngay tại đại hội và thông qua báo chí, trên website của công ty
3. Trong đại hội lần thứ 3 bất kỳ số lượng cổ đông nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề của đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 11. Hiệu lực của quy chế:

Quy chế này được các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 tổ chức ngày thông qua và có hiệu lực từ ngày ... cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty (thông báo qua website công ty)
- Thành viên HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT
- Lưu VT

T/M Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần Sacom

Lý Kiệt

MỤC LỤC

Nội dung		Trang
PHẦN 1	Tổng quan về Công ty	8
PHẦN 2	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	10
PHẦN 3	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	12
PHẦN 4	Báo cáo của Ban kiểm soát	23
PHẦN 5	Thông tin cổ đông và quản trị Công ty	31
	- Hội đồng quản trị	29
	- Ban kiểm soát	30
PHẦN 6	Cơ cấu tổ chức của Công ty	32
PHẦN 7	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	34
PHẦN 8	Các công ty thành viên và công ty liên doanh, liên kết	64
PHẦN 9	Các tờ trình	67
	1. Tờ trình trích lập các quỹ năm 2010;	
	2. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2011;	
	3. Tờ trình về tổ chức nhân sự của SACOM Group	
	4. Tờ trình sửa đổi điều lệ hoạt động Công ty;	
	5. Tờ trình cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011-2015	
	6. Tờ trình quỹ lương, đơn giá tiền lương năm 2011 của Công ty, thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2011;	

PHẦN 1

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng việt	:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM
Tên tiếng anh	:	SACOM INVESTMENT AND DEVELOPMNET COMPANY
Tên giao dịch viết tắt	:	SACOM
Địa chỉ	:	Khu Công nghiệp Biên Hoà I, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Văn phòng đại diện	:	152/11B Điện Biên Phủ, P25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM
Điện thoại	:	(84.8) 35122921 Fax: (84.8) 35122920
Vốn điều lệ	:	654.000.000.000 đồng
Niêm yết cổ phiếu tại	:	Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM: tháng 6/2000
Tên cổ phiếu	:	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM
Mệnh giá	:	10.000 đ/cổ phần
Mã chứng khoán	:	SAM
Số lượng cổ phiếu niêm yết	:	65.400.000 CP

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1	Ngày 10/04/1986	Thành lập Nhà máy Vật liệu Bưu điện II tại Ngã ba Tân Vạn theo Quyết định số 28/QĐ-TCCB do Ông Đặng Văn Thân - Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện ký.
2	Ngày 12/08/1989	Đổi tên Nhà máy Vật liệu Bưu điện II thành Nhà máy Cáp và Vật liệu Viễn thông theo Quyết định số 146/QĐ/TCCB-LĐ do Ông Hoàng Bạ - Phó Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện ký.
3	Ngày 01/01/1998	Chuyển Nhà máy Cáp và Vật liệu Viễn thông thành Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM) theo quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB do Ông Mai Liêm Trực - Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện ký.
4	Ngày 02/06/2000	Công ty cổ phần SACOM là 01 trong 02 Công ty đầu tiên được niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, mã chứng khoán là SAM, theo Quyết định số 02/GPPH ngày 02/06/2000 của chủ tịch UBCK NN
5	Ngày 14/05/2010	Đổi tên Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông thành Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM theo Quyết định số: 122/2010/QĐ-HĐQT do Ông Lý Kiệt - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SACOM ký.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

Sản xuất, mua bán các loại cáp vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp). Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại.

Cho thuê văn phòng. Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh sân golf. Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

TẦM NHÌN

“Luôn luôn sáng tạo để trở thành Người dẫn đầu”

SỨ MỆNH

Đem lại sự hài lòng cho Khách hàng; lợi nhuận cho các Cổ đông và cuộc sống phong phú cả về vật chất lẫn tinh thần cho toàn thể Người lao động.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Xây dựng Công ty theo mô hình Công ty Mẹ – Con. Đa dạng hóa đầu tư bằng nhiều hình thức như hình thành Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết v.v... phát triển Công ty trở thành Tập đoàn vào năm 2015
- Phát triển 3 lĩnh vực: Kinh doanh truyền thống dây và cáp các loại, đầu tư và kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính
- Đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 20% - 30% bằng việc đa dạng hóa sản phẩm.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm. Cam kết thực hiện đúng quy trình quản lý và sản xuất theo ISO 9001 – 2008.
- Giữ vững quan hệ với Bạn hàng truyền thống, tiếp tục mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

PHẦN 2

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Ông Lý Kiệt

Sinh năm 1954, Thạc sĩ Viễn thông, Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT)

Kính thưa Quý vị cổ đông và các Nhà đầu tư

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM tôi xin trân trọng gửi lời chào thân ái đến tất cả Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM, các Nhà đầu tư đang quan tâm đến cổ phiếu SAM, đồng thời đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2010 như sau:

Năm 2010 nền kinh tế Việt nam đang rất khó khăn sau một thời gian dài khủng hoảng. Sự biến động về tỷ giá hối đoái, giá cả nguyên vật liệu, dòng chu chuyển vốn trên thị trường chứng khoán không thật sự ổn định đã tác động không nhỏ đến các mảng hoạt động chính của Công ty. Trong tình hình đó, với kết quả kinh doanh năm 2010 đạt được là một nỗ lực rất lớn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể Người lao động. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận rằng so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 đã đề ra chưa đem lại sự hài lòng và mong đợi từ toàn thể Quý vị Cổ đông của Công ty.

Thực hiện nhiệm vụ của mình, trong năm qua Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo điều hành Công ty trên cơ sở tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã luôn đồng hành, duy trì tốt sự chỉ đạo thống nhất xuyên suốt để tìm mọi giải pháp tích cực, hạn chế tối đa ảnh hưởng của khủng hoảng và suy thoái kinh tế chung đến Công ty.

Trên cơ sở bám sát các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010, trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 phiên họp (trong đó có 06 phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản), nội dung các cuộc họp tập trung giải quyết các vấn đề:

- Triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010.
- Các cuộc họp định kỳ hàng quý, đột xuất hoặc xin ý kiến các Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đều tập trung vào việc nghe báo cáo tình hình SXKD, đánh giá kết quả thực hiện, rút ra những nguyên nhân, tìm biện pháp, định hướng giúp Công ty kinh doanh đúng định hướng, bảo toàn và phát triển vốn: Chỉ đạo XD phương án kinh doanh; Cân đối nguồn vốn; Kế hoạch sử dụng vốn; Các vấn đề đầu tư XDCB, đầu tư tài chính luôn lưu ý tập trung vào các mảng đem lại doanh thu và hiệu quả; Tập trung nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, chỉ đạo triển khai dự án nhà máy sản xuất dây điện từ, dây đồng, thanh cái dẫn điện; Chỉ đạo xây dựng mô hình tổ chức cho phù hợp với định hướng phát triển mới.
- Về nhân sự HĐQT: Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2010 HĐQT đã bổ sung thêm hai Thành viên HĐQT, một lĩnh vực đầu tư tài chính, một về lĩnh vực xây dựng.

Nhìn chung tại các phiên họp, Hội đồng quản trị ghi nhận, đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực của Ban điều hành và tập thể Người lao động trong điều kiện SXKD khó khăn. Đồng thời Hội đồng quản trị cũng định hướng, chỉ đạo kịp thời, sát sao cùng Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2010 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2011.

Với định hướng phát triển của Công ty theo 3 lĩnh vực chính là: Sản phẩm truyền thống Dây và cáp; Đầu tư kinh doanh bất động sản; Đầu tư tài chính. Mặc dù năm 2011 sẽ vẫn còn rất nhiều khó khăn: Áp lực lạm phát cao, lãi suất cao, tỷ giá tăng, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng (Điện, nước, xăng...), thị trường kinh doanh sẽ cạnh tranh khốc liệt hơn với nhiều biến động thăng trầm. Nhưng Tôi tin tưởng rằng nền kinh tế Việt nam trong năm 2011 sẽ sớm đi vào ổn định. Cùng với sự tái cơ cấu về mô hình tổ chức, bổ sung nguồn lực hợp lý, cũng như đẩy nhanh tiến độ đầu tư sớm đưa sản phẩm dây điện tư ra thị trường, chắc chắn hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ đem lại hiệu quả rõ nét hơn, đáp ứng được sự mong đợi và kỳ vọng của Quý cổ đông.

Nhân đây, Tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông đã nắm giữ cổ phiếu SAM trong suốt thời gian qua cũng như các Nhà đầu tư đang quan tâm và sẽ đầu tư vào cổ phiếu SAM trong tương lai, chúng ta hãy cùng nhau chung tay góp sức để xây dựng thương hiệu SACOM ngày càng lớn mạnh. Với cương vị là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tôi xin hứa với toàn thể Quý cổ đông và các Nhà đầu tư là sẽ nỗ lực hết mình để đem đến hiệu quả đầu tư, kinh doanh của Công ty là cao nhất.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công

Trân trọng

**Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển SACOM**

LÝ KIỆT

PHẦN 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Tổng Giám Đốc Ông Đỗ Văn Trắc

Sinh năm 1953, Kỹ sư Kinh tế.

Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc SACOM.

Năm 2010 tiếp tục là năm đầy khó khăn đối với Công ty nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng từ các chính sách điều hành của Nhà nước như chính sách về tỷ giá, lãi suất cùng với giá cả nguyên liệu trên thị trường thế giới tăng vọt đã ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của doanh nghiệp; Chính sách thắt chặt tín dụng kiểm chế lạm phát của nhà nước đã buộc các Ngân hàng đã thắt chặt cho vay đầu tư đối với BĐS, lãi suất cao khiến luồng vốn đầu tư vào bất động sản bị hạn chế; Thuế thu nhập cá nhân đánh rất cao cho hoạt động kinh doanh bất động sản khiến sức mua căn hộ giảm sút; Thị trường chứng khoán thì chưa hồi phục, giao dịch không ổn định ...

Các yếu tố trên đã tác động mạnh đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty dẫn đến kết quả kinh doanh bất động sản và hoạt động tài chính của Công ty không đạt được kế hoạch.

Riêng lĩnh vực sản xuất dây và cáp có kết quả tốt so với kế hoạch năm 2010. Doanh thu vượt kế hoạch 37%, lợi nhuận đạt 78,2 tỷ đồng, vượt kế hoạch 49.2%. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực này, năm 2010 vẫn là năm đầy khó khăn do sản phẩm cáp viễn thông của SACOM thuộc vào nhóm danh mục đầu tư công của Nhà nước, trong tình cảnh nền kinh tế có những biến động bất lợi Chính phủ đã hạn chế đầu tư công để kiểm chế lạm phát, nhu cầu thị trường không lớn, đặc biệt là VNPT, do đó cạnh tranh giữa các nhà sản xuất cáp rất khốc liệt, trong khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao dẫn đến tỷ suất lợi nhuận / doanh thu thấp.

Sau đây là Kết quả thực hiện năm 2010 và kế hoạch thực hiện năm 2011 của Công ty:

I/ Kết quả hoạt động năm 2010

I.1/ Tổ chức – Nhân sự

- Xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu SACOM, góp phần nâng cao Văn hóa doanh nghiệp và hình ảnh Công ty.
- Thiết lập hệ thống lương theo chuẩn mực quốc tế
- Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ 2010, bổ sung 2 thành viên vào HĐQT
- Đổi mới website Công ty, xây dựng nội dung website phù hợp với tình hình hoạt động và các lĩnh vực sản xuất, đầu tư và kinh doanh của Công ty ở thời điểm hiện tại, cập

nhật thông tin cần thiết cho các đối tượng khách hàng, nhà cung cấp, cổ đông, Nhà đầu tư tiềm năng và các đối tác có liên quan.

- Xây dựng Văn hóa Công ty

- Tổ chức ngày hội Người lao động kết hợp tham quan truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc nhằm nâng cao ý thức giữ gìn truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, qua đó giáo dục ý thức giữ gìn văn hóa truyền thống nâng cao hình ảnh của Công ty.

I.2/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 và một số chỉ tiêu tài chính

I.2.1/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	So với kế hoạch 2010	So với năm 2009
Doanh thu	565.680	883.884	67,22%	156,25%
Lợi nhuận trước thuế sau khi trích dự phòng tài chính	282.608	127.716	45,19%	45,19%
Cổ tức	22%	15%	75,00%	68,00%

Thuyết minh về kết quả SXKD năm 2010:

a) Lĩnh vực SX dây và cáp

- Nhìn chung sản xuất truyền thống tốt so với hoạch đề ra ban đầu, lợi nhuận đạt 78,2 tỷ đồng/ 52,4 tỷ đồng, đạt 149,2% kế hoạch năm.
- Tuy nhiên, năm 2010 vẫn là năm rất khó khăn, nhu cầu thị trường không cao, các nhà mạng hạn chế đầu tư, đặc biệt là VNPT, cho nên cạnh tranh giữa các nhà sản xuất cáp rất khốc liệt, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu thấp.
- Để đạt được kế hoạch sản lượng và doanh thu cấp như trên, trong năm 2010 SACOM đã hoàn thành dự án cải tiến- đầu tư thêm 1 dây chuyền sản xuất cáp quang và di dời thiết bị tại xưởng Nokia cơ sở I về tập trung tại nhà máy cáp quang ở khu công nghiệp Long thành. Hiện năng lực sản xuất cáp quang của SACOM đạt 1.000.000 – 1.200.000 km sợi / năm, đáp ứng 60-70 % nhu cầu cáp quang cho thị trường trong nước. Năm 2011, bên cạnh việc giữ vững thị phần trong nước, SACOM tiếp tục nghiên cứu thị trường để tiến hành xuất khẩu cáp quang.

b) Lĩnh vực Bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản năm 2010 đạt rất thấp so với kế hoạch năm, bị ảnh hưởng bởi một số nguyên nhân sau:

- Chính sách tiền tệ: Các ngân hàng thương mại thắt chặt chính sách cho vay đối với các khoản vay liên quan đến đầu tư bất động sản.
- Chính sách của Nhà nước: Thuế thu nhập cá nhân đánh rất cao cho hoạt động kinh doanh bất động sản, cùng với các chính sách mới về tài chính, bất động sản của Nghị định 69/2009, 71/2010; Thông tư 16/2010/TT-BXD đã ảnh hưởng tới tâm lý Nhà đầu tư.
- Ảnh hưởng từ thị trường chứng khoán, thị trường vàng: Thị trường chứng khoán không ổn định, thị trường vàng có rất nhiều biến động tăng giảm bất thường đã làm ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực kinh doanh BĐS.
- Nhìn về trung và dài hạn thị trường bất động sản Việt Nam có nhiều tiềm năng. Theo con số thống kê về dân số, Việt Nam hiện có khoảng 86 triệu dân, cứ mỗi năm trung bình tăng 1 triệu dân, đặc biệt là các đô thị lớn đang có nhu cầu rất cao về nhà ở. Việt Nam hiện có diện tích nhà ở trung bình khoảng 16 m2/người, trong khi đó tại

Trung Quốc mặc dù số dân rất lớn nhưng diện tích nhà ở bình quân đạt khoảng 28m²/người. Điều đó cho thấy, nhu cầu về nhà ở tại Việt Nam là rất lớn.

- Cùng với quá trình phát triển kinh tế, việc đô thị hóa nhanh những năm tới. Đi liền với đó là sự bùng phát của thị trường xây dựng, kinh doanh nhà đất, đặc biệt là sản phẩm các khu đô thị mới. Đây là nòng cốt của thị trường bất động sản nước ta trong những năm tới.
- Công ty kỳ vọng kinh doanh BĐS năm 2011 và các năm sau sẽ tốt trở lại, vì giá các dự án Công ty mua là khá tốt, vị trí đẹp.

Ngoài các nguyên nhân trên, bên cạnh còn có 1 số nguyên nhân làm ảnh hưởng đến lợi nhuận kinh doanh căn hộ thứ cấp dẫn đến không đạt kế hoạch cụ thể:

Dự án Giai Việt (Chánh Hưng)

Nhà mẫu Block B2, khai trương chậm theo kế hoạch tháng 2/2010, nhưng đến tháng 6/2010 Công ty Quốc Cường mới khai trương nhà mẫu, dự kiến kế hoạch kinh doanh bị động, thị trường đi qua giai đoạn sôi động chuyển sang giai đoạn trầm lắng.

Dự án Hoàng anh Riverview

Diện tích căn hộ lớn (130-170m²/căn)

Dự án Cao ốc văn phòng và căn hộ Điện Biên Phủ:

Hiện tại Công ty đã nhận được phiếu chuyển của Sở TN&MT Tp.HCM công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại 483,8m² và đang chờ Sở Tài chính Tp.HCM áp giá để nộp thuế

c) Lĩnh vực tài chính

- Hoạt động tài chính đạt thấp (28,5%) so với kế hoạch năm do thị trường chứng khoán có nhiều biến động, trong năm giao dịch yếu, các chỉ số VN-INDEX & HN-INDEX rất thấp. Giá các cổ phiếu Công ty dự định bán để hiện thực hóa lợi nhuận và cơ cấu lại danh mục đầu tư khá thấp so với kế hoạch.
- Bên cạnh đó kết quả kinh doanh của các Công ty liên doanh liên kết chưa được tốt, do đó cổ tức đạt thấp so với kế hoạch.

1.2.2/ Một số chỉ tiêu tài chính khác

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010
1.Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,68	3,28
2.2 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,02	2,33
2.Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu			
-Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	50,02%	14,45%
-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	45,10%	12,23%
-Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	3,45%	5,16%
-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	10,63%	4,81%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,55%	4,55%

1.3/ Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) năm 2010

Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2010.

I.3.1./ Tổng hợp tình hình giải ngân cho các dự án trong năm 2010 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án đầu tư (Thực hiện năm 2010)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2010	Vốn thực hiện năm 2010	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2010
	Đầu tư dài hạn	819.764	231.307	198.514	561.970
1	Nâng cao năng lực SX cáp quang	5.600	5.600	3.396	3.396
2	Dự án cao ốc văn phòng - ĐBP	267.979	40.000	8.600	67.886
3	CTCP SACOM Tuyên Lâm - Đà Lạt	255.000	104.264	49.315	200.000
4	Mua QSD đất & nhà xưởng Sam Thịnh	45.000	4.500	4.563	45.063
5	CÔNG TY CP BĐS Hiệp Phú	176.185	76.943	62.640	175.625
6	Góp vào liên doanh SCS	70.000		70.000	70.000
	Đầu tư thứ cấp	802.850	75.921	174.621	400.958
7	Dự án Giai Việt (222 căn hộ)	536.300	40.222	56.815	217.705
8	Dự án Hoàng Anh (70 căn hộ)	266.550	35.699	117.806	183.253
	Cộng	1.622.614	307.228	373.135	962.928

I.3.2/ Tình hình thực hiện các dự án trong năm 2010:

I.3.2.1/ Các dự án do SACOM đầu tư trực tiếp (100% vốn)

I.3.2.1.1 / Dự án nâng cao năng lực sản xuất Cáp quang năm 2010:

Dây chuyền sản xuất cáp quang thuộc Dự án nâng cao năng lực sản xuất cáp quang 2010 đã đưa vào hoạt động và sản xuất từ tháng 9/2010, với công suất 200.000 km sợi quang/ năm. Gồm các dây chuyền bọc ống lồng, dây chuyền bện SZ, dây chuyền bọc vỏ MAPRE.

I.3.2.1.2 / Dự án SACOM - Điện Biên Phủ:

Tổng diện tích 2.238 m², đã có sổ đỏ 1.745.9 m². Diện tích còn lại chưa có sổ đỏ 483.8 m².

Hiện tại Công ty đã được Sở tài nguyên và môi trường Tp.HCM công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại (483,8m²). Công ty đã nộp hồ sơ lên Sở tài chính thẩm định giá trị quyền sử dụng đất để đóng thuế cho phần diện tích này.

I.3.2.1.3/ Chuyển QSD đất và Nhà xưởng Sam Thịnh (34.444m²):





Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu toàn bộ khu đất và nhà xưởng từ Công ty Sam Thịnh

I.3.2.2/ Các dự án của Công ty con

I.3.2.2.1/ Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng SACOM Resort (SACOM Tuyên Lâm):



1. Đất đai: Đã có quyền sử dụng đất 213,36 ha, trong đó 157,55 ha thuộc dự án khu nghỉ dưỡng và 55,81 ha thuộc dự án sân golf.

2. Dự án sân golf:

- Hoàn thành thi công bể xử lý nước thải theo công nghệ Johkasou, phần móng nhà phát banh, lắp đặt hệ thống phun tưới, thoát nước mưa của sân tập, đào đắp tạo dáng, trồng đủ cây, 5 ha vườn ươm cỏ và cây giống cho 9 đường golf đầu.
- Thi công đạt 90% khối lượng Nhà nông cơ
- Đạt 60% khối lượng hệ thống hạ tầng (đường nội bộ, hồ nước):

- Đã thiết kế hồ nước số 1, số 2, các đập tràn trên hồ; cống qua suối trên sân golf và cấp nước từ hồ Tuyên Lâm về sân golf và thiết kế tuyến ống dẫn nước từ hồ Tuyên Lâm sân golf.
- Đã nhập thiết bị phun tưới và thiết bị bảo trì cho sân golf.

3. Dự án khu nghỉ dưỡng:

- Đã ký hợp đồng với Tập đoàn Swiss-bel hotel International để quản lý kinh, doanh khách sạn. Hiện tại các đối tác bao gồm Swiss-bel và SITE Architecture (Tư vấn thiết kế) đang phối hợp hoàn tất hồ sơ thiết kế khách sạn 4 sao, 5 sao, câu lạc bộ golf.
- Đã chuẩn bị hồ sơ mời thầu Tư vấn đấu thầu và Tư vấn giám sát cho khách sạn 4 sao, 5 sao và thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công.
- Đã thiết kế 6 mẫu biệt thự và đang thiết kế số còn lại trong 50 mẫu biệt thự làm cơ sở xây 400 biệt thự thuộc dự án.
- Đang hoàn tất hồ sơ thiết kế đường số 24 vào khách sạn 4 sao, đường số 1A, 1B vào khu bán đảo (VNCC thực hiện), dự kiến tháng 3/2011 hoàn thành và bàn giao.

I.3.2.2,2/ Dự án SAMLAND River view (Công ty SAMLAND)

- + Tòa nhà Samland River View đang được hoàn thiện
- + Dự kiến giao nhà vào quý 2/ 2011.



I.3.3.2.3/ Dự án BCIS (Công ty SCS)



- + Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với Chip sáng theo hợp đồng ngày 10/10/2010 để thành lập công ty SCS, thực hiện dự án “Xây dựng tòa nhà không gian Internet Chip sáng”, tại Lô T 2-4, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Q.9, TP.HCM.
- + SCS đã hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan và có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- + Bộ máy Công ty cơ bản đã đi vào hoạt động
- + Đang triển khai ép cọc
- + Dự kiến bàn giao mặt bằng cho khách thuê vào tháng 4/2012.

I.4/ Một số công tác khác

I.4.1/ Báo cáo tình hình thực hiện bán cổ phiếu quỹ

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/03/2010, trong năm Công ty tiến hành bán cổ phiếu quỹ để triển khai việc chia cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu. Vì lý do khách quan với những diễn biến xấu trên thị trường chứng khoán Việt nam, giá cổ phiếu SAM chưa thật sự thuận lợi cho việc bán cổ phiếu quỹ. Tính đến 31/12/2010 Công ty chỉ mới bán được 120.000 cổ phiếu trong tổng số 1.200.000 cổ phiếu đăng ký bán, do đó chia cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu đã không thực hiện được.

I.4.2/ Chi phí thù lao - tiền lương - tiền công:

Căn cứ vào đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/03/2010 về mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2010 (chưa bao gồm thuế TNCN)

- Quỹ lương Ban điều hành (TGD; các PTGD; và KTT):	5.069.407.833đ
- Quỹ lương người lao động:	14.611.822.576đ
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:	1.341.902.073đ

II.KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2011

II.1/ Định hướng phát triển

- Tập trung đầu tư và khai thác sản phẩm truyền thống dây và cáp: Phát triển sản phẩm mới dây điện tử, thanh cái dẫn điện.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cáp viễn thông SACOM ra nước ngoài thông qua việc hợp tác với các đơn vị có điều kiện để đầu tư hoặc bán sản phẩm.
- Phát triển sản phẩm dây và cáp điện lực thông qua các Công ty liên doanh- liên kết.
- Duy trì và phát triển kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, căn hộ, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch.

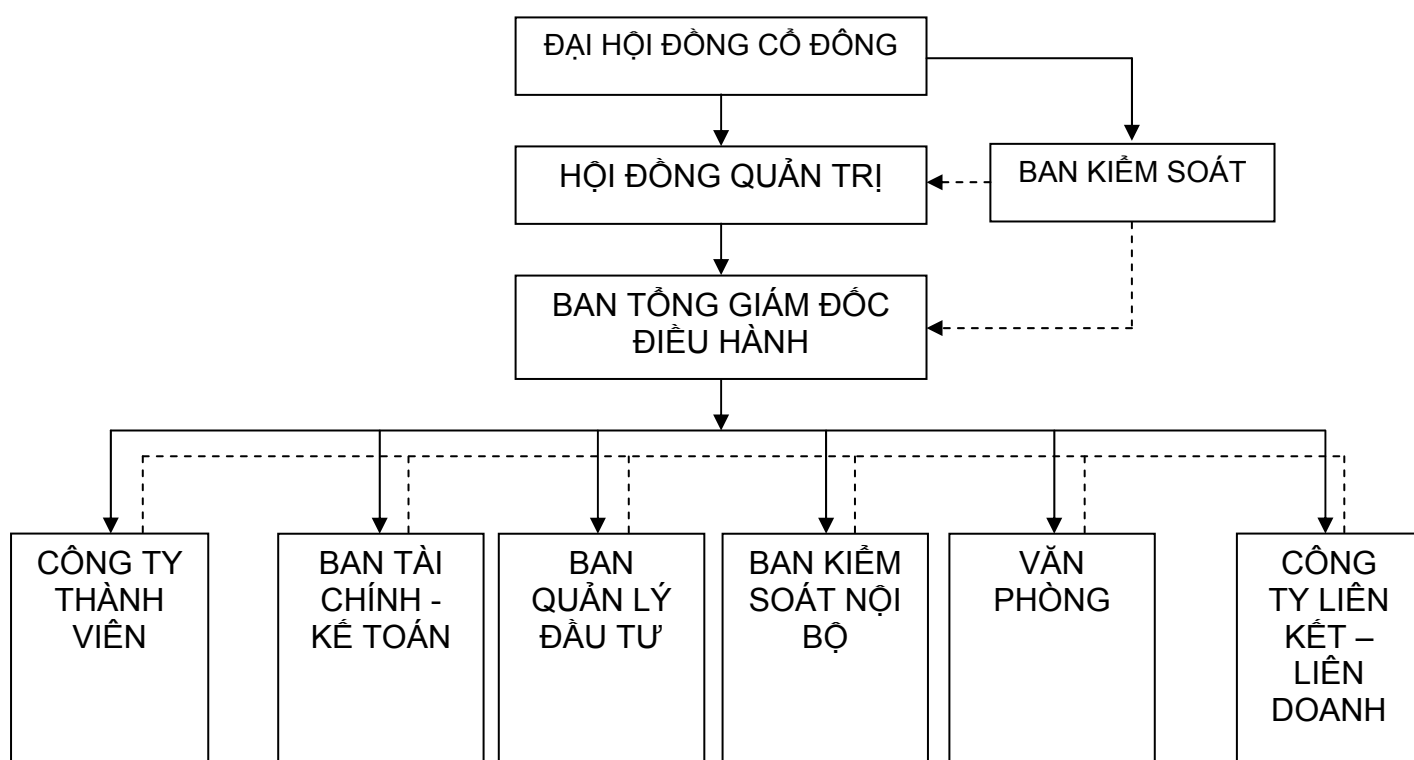
II.2/ Kế hoạch tổ chức nhân sự, sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2011

II.2.1/ Kế hoạch tổ chức nhân sự năm 2011:

Từ định hướng phát triển, Công ty tiến hành tái cơ cấu mô hình tổ chức cho phù hợp.

Các bước thực hiện

+ Trình ĐHĐCĐ phê duyệt mô hình Công ty và cơ cấu tổ chức mới như sau:



+ Triển khai thành lập Công ty TNHH MTV Dây & Cáp SACOM (100% vốn)

+ Tái cơ cấu và tổ chức nhân sự của Công ty nhằm kiểm soát và hỗ trợ các Công ty thành viên hoạt động có hiệu quả.

II.2.2/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và chi trả cổ tức 2011:

II.2.2.1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
1	Sản xuất Dây và Cáp	761.000	65.350
2	Bất động sản	349.960	65.010
3	Tài Chính	89.140	73.640
	TỔNG CỘNG	1.200.100	204.000

II.2.2.2/ Kế hoạch trả cổ tức

Kế hoạch trả cổ tức năm 2011 : 18%

II.2.3/ Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2011:

II.2.3.1 / Kế hoạch giải ngân cho các dự án năm 2011

ĐVT: triệu đồng

S T T	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện đến 2010	Kế hoạch giải ngân 2011	Số tiền còn lại chi các năm sau
A	Đầu tư dài hạn	728.293	485.625	242.668	
1	CTCP địa ốc SACOM (55% VĐL)	189.000	110.000	79.000	-
2	SACOM Tuyên Lâm (51% VĐL)	255.000	200.000	55.000	-
3	Dự án Thành lập nhà máy dây điện từ	108.108		108.108	-
4	Công ty CP BĐS Hiệp Phú (40% VĐL)	176.185	175.625	560	-
B	Đầu tư thứ cấp	802.850	400.958	306.688	95.204
1	Dự án Giai Việt (100%) (Block B2)	536.300	217.705	228.150	90.445
2	Dự án Hoàng Anh river view	266.550	183.253	78.538	4.759
	Tổng cộng	1.531.143	886.583	549.356	95.204

II.2.3.2/ Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản

II.2.3.2.1/ Các dự án đầu tư trực tiếp

II.2.3.2.1.1/ Dự án đầu tư nhà máy sản xuất dây điện từ

Trong năm 2011, Công ty đầu tư xây dựng thêm một Nhà máy dây điện từ, dây đồng, thanh cái dẫn điện tại nhà xưởng Sam thịnh tại KCN Long thành, Đồng nai. Dự kiến tháng 11/2011 ra sản phẩm.

Tổng vốn đầu tư: 5,54 triệu USD

II.2.3.2.1.2/ Dự án di dời nhà máy cáp đồng viễn thông

Năm 2011, SACOM tiến hành công tác di dời toàn bộ nhà xưởng sản xuất Cáp viễn thông tại Khu công nghiệp Biên hòa 1, Đồng Nai và Cơ sở 2 tại Bình dương về khu Khu công nghiệp Long thành, Đồng nai.

Những ưu đãi của UBND tỉnh Đồng Nai khi Công ty dời cơ sở sản xuất ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hoà I.

1. Hỗ trợ tái sản xuất

- Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng thuê tại Khu công nghiệp Biên Hoà I (thời hạn hợp đồng của Công ty đến hết tháng 4/2051).
 - Phần chênh lệch giữa giá cho thuê (gồm tiền thuê đất thô và phí quản lý) tại Khu công nghiệp Giang điền với Khu công nghiệp Biên Hoà I tương ứng với thời gian còn lại của của hợp đồng thuê đất.
2. Mức hỗ trợ ngừng sản xuất: Xem xét một cách hợp lý nhất để giúp cho doanh nghiệp giữ được thị phần, thị trường
 3. Mức hỗ trợ di chuyển và người lao động: sẽ xem xét tính toán đầy đủ các khoản hỗ trợ, bồi thường di chuyển: Nhà xưởng, máy móc thiết bị, hỗ trợ mất việc làm, chi phí đào tạo, nhà ở ...
 4. Sẽ xin cơ chế chính sách từ Trung ương để ưu đãi về tín dụng về vốn đầu tư XD nhà máy tại vị trí mới, miễn giảm thuế TNDN, và ưu đãi về thuế nhập khẩu nguyên liệu, sản phẩm cho Doanh nghiệp di dời trong thời gian ngừng sản xuất.
 5. Ưu tiên góp vốn vào Công ty cổ phần để đầu tư khai thác khu công nghiệp Biên hòa 1

II.2.3.2.1.3/ Dự án SACOM – Điện Biên Phủ

Dự kiến chuyển nhượng khu đất trong 6 tháng đầu năm 2011.

II.2.3.2.2/ Các dự án góp vốn vào Công ty con

II.2.3.2.2.1/ Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng SACOM Resort:

- **Đất đai:** Hoàn tất thủ tục để có quyền sử dụng đất (sổ đỏ) phần đất còn lại (55,55 ha) trên toàn bộ diện tích 269 ha đất dự án
- **Sân Golf**
Khai trương trước 9 đường golf vào cuối quý III/2011
- **Biệt thự**
Triển khai xây dựng 14 căn của nhóm biệt thự 28 căn trong quý II/2011, hoàn thành trong quý IV/2011
- **Khách sạn**
Hoàn tất các thủ tục pháp lý cuối tháng 4/2011. Tháng 5/ khởi công san lấp nền, xây dựng khu phụ trợ phục vụ thi công, móng, tầng hầm (khoảng 10% khối lượng khách sạn 5 sao và 30% khối lượng khách sạn 4 sao)

II.2.3.2.2.2/ Cao ốc SAMLAND river view

Dự kiến hoàn thiện và bàn giao nhà vào quý 2/2011.

Tập trung vào kinh doanh và cho thuê căn hộ và văn phòng

II.2.3.2.2.3/ SACOM – Chíp Sáng (SCS)

Hoàn thành thi công xây dựng, đảm bảo bàn giao mặt bằng cho thuê văn phòng vào đầu quý 2/2012.

II.2.3.2.2.4/ Khu dân cư Nhơn Trạch

Tập trung công tác đền bù giải tỏa để có 30% diện tích đất dự án.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển SACOM

Tổng giám đốc

Đỗ Văn Trắc

**BÁO CÁO THẨM TRA TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2010 CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Sacom), qui định chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Năm 2010, Ban kiểm soát của Công ty đã thực hiện nhiệm vụ và xin báo cáo trước Đại hội cổ đông những nội dung sau:

I/ Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ngay sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 Ban kiểm soát đã phân công phân nhiệm các thành viên trong Ban kiểm soát tập trung vào những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực của Công ty như sau:

- Tham gia giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý của Công ty để giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua.

- Tham gia các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để nắm bắt việc điều hành chỉ đạo cũng như việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Tham gia với Hội đồng quản trị và Ban tổng Giám đốc điều hành trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010.

- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty cũng như phối hợp với Công ty Kiểm toán độc lập AASCN để xem xét các ảnh hưởng trong công tác kế toán và để thẩm tra tính trung thực của báo cáo kiểm toán.

II/ Công tác quản lý điều hành Công ty.

Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2010 theo định hướng phát triển là: “Tiếp tục khai thác sản phẩm truyền thống là dây và cáp điện lực thông qua các công ty đã góp vốn. Đối với sản phẩm cáp viễn thông, Công ty hướng đến thị trường nước ngoài thông qua việc hợp tác với các đơn vị có điều kiện để đầu tư hoặc bán sản phẩm. Công ty tiếp tục đầu tư hợp tác, liên doanh qua các ngành mới như bất động sản, cho thuê văn phòng, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch và các ngành sản xuất khác có lợi cho đầu ra... nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh doanh. Tuy nhiên vẫn phải đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý cho sản phẩm truyền thống, tập trung chủ yếu theo 3 lĩnh vực chính theo thứ tự ưu tiên là : Cấp, CNTT-Đầu tư tài chính và bất động sản”.

Nhằm thực hiện mục tiêu đã định hướng năm 2010 ngay sau Đại hội cổ đông và tính đến 31/12/2010 Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp trong đó có 6 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến, nghị quyết các cuộc chủ yếu là:

- Đề ra các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2010 mà Đại hội cổ đông đã thông qua như kế hoạch lợi nhuận, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phân công phân nhiệm cụ thể rõ ràng và trách nhiệm.

- Đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý để có giải pháp kèm theo một cách kịp thời.

- Quyết định bán 1.200.000 cổ phiếu Sam cũng như phương án tăng vốn theo tỷ lệ 1:1 mà Nghị quyết của Đại hội cổ đông đã thông qua.

- Phê duyệt kế hoạch đầu tư tài chính như mua thêm 400.000 CP của Cty Cổ phần Quốc cường Gia lai mệnh giá 10.000đồng/CP với giá mua là 55.000đồng/CP. Nhất trí thông qua phương án mua lại 30% vốn góp của Cty CP Cấp Sài gòn (SCC) tại Xí nghiệp cáp quang Sacom....

- Thống nhất lựa chọn Cty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN), để thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 của Sacom, Sacom-Tuyền Lâm và SAMLAND.

- Thống nhất thông qua cơ cấu tổ chức mới của Công ty, đổi tên Công ty, Chi nhánh và bổ nhiệm người đứng đầu để phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất quản lý mới. Quyết định thành lập Nhà máy dây điện từ. Nhất trí giải thể XN sản xuất cáp viễn thông Bình dương, chấm dứt hoạt động của Ban quản lý dự án Sacom Resort.

- Về công tác đầu tư thông qua nghị quyết đồng ý cho mua 600.000 CP với tổng số tiền là 9 tỷ đồng với giá mua là 15.000 đồng/CP của đợt phát hành tăng vốn điều lệ của Quốc Cường Gia lai. Nhất trí thông qua dự án khả thi đầu tư Nhà máy SX dây đồng, dây điện từ- thanh cái dẫn điện tại cơ sở 2 Tân Vạn Bình dương thành một Nhà máy sản xuất hiện đại Công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực này với tổng giá trị đầu tư là 5,54 triệu USD.

- Nhất trí chủ trương đầu tư vào dự án tòa nhà không gian Internet Chíp sáng và quyết nghị thông qua Nghị quyết của HĐQT ngày 14/9/2010.

- Thống nhất một số nội dung để hoàn thiện các văn kiện trình Đại hội cổ đông năm 2011 về hoạt động kinh doanh cũng như cơ cấu tổ chức của Công ty cho năm 2011.

Nhìn chung năm 2010 dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành luôn bám sát tình hình thực tế của thị trường cũng đã ban hành nhiều quyết định, văn bản chỉ đạo các bộ phận sản xuất quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết và đã đạt được kết quả kinh doanh bằng 67,22 % kế hoạch đề ra trong điều kiện sản phẩm bị cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

Thông qua các kỳ họp Hội đồng quản trị đã đánh giá cao sự cố gắng nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc điều hành và người lao động trong công ty đã vượt mọi khó khăn để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2010.

III/ Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2010 do đơn vị lập và báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán AASCN, Ban kiểm soát đã thẩm định và thống nhất xác nhận:

- Về hồ sơ chứng từ sổ sách ghi chép của Công ty đảm bảo đúng qui định.
- Công tác quản lý theo dõi và lưu trữ hồ sơ hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa của Công ty ngày càng đi vào ổn định và có nề nếp.
- Báo cáo tài chính của đơn vị trình bày trung thực, thời gian báo cáo đảm bảo đúng thời gian qui định, phù hợp với chuẩn mực kế toán cũng như các qui định hiện hành.

Một số chỉ tiêu tài chính và thực hiện kế hoạch của Công ty năm 2010 như sau:

1. Tình hình tài chính:**ĐVT: đồng**

TT	Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ 01.01.2010		Số dư cuối kỳ 31.12.2010	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
A	<u>Tổng tài sản</u>	2.659.822.786.519	100	2.655.293.731.063	100
1	Tài sản ngắn hạn	1.141.233.328.778	42,91	909.636.891.296	34,25
2	Tài sản dài hạn	1.518.589.457.741	57,09	1.745.656.839.767	65,75
B	Tổng nguồn vốn	2.659.822.786.519	100	2.655.293.731.063	100
1	Nợ phải trả	244.210.169.366	9,18	277.530.370.529	10,45
2	Vốn chủ sở hữu	2.415.612.617.153	90,82	2.377.763.360.534	89,55

2. Kết quả kinh doanh:**ĐVT: đồng**

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010(x1000)	Thực hiện Năm 2010	Thực hiện Năm 2009	Tỷ lệ % so với KH
1	Doanh thu thuần về bán hàng, hoạt động tài chính.	1.315.000.000	883.884.338.771	565.680.756.378	67,22
2	Giá vốn và chi phí	1.032.400.000	756.168.251.179	283.073.043.879	73,24
3	Lợi nhuận trước thuế	282.600.000	127.716.087.592	282.607.712.499	45,05
4	Lợi nhuận sau thuế	240.210.000	108.114.743.298	254.796.855.774	45,03
5	Tỷ lệ chia cổ tức	20%		10%	
6	Lãi /cổ phiếu (EPS)(đồng)		1.681	3.969	

Trong tổng số doanh thu trên thì riêng 38,031 tỷ đồng là nguồn thu từ lãi tiền gửi. Tính đến 31.12.2010 hiện công ty còn đang gửi tại các ngân hàng thương mại theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 ngày, 1 tuần, 1 tháng là 257,4 tỷ đồng.

3. Tình hình thực hiện kế hoạch góp vốn liên doanh, liên kết và đầu tư tài chính dài hạn.**a. Về góp vốn đầu tư :**

Tính đến hết ngày 31/12/2010, Công ty đã góp vốn đầu tư vào 20 đơn vị với tổng số vốn góp là 1.300,148 tỷ đồng, trong đó :

- Vốn góp công ty con : Cty CP Địa Ốc Sacom (55% VĐL) : 110 tỷ đồng ,Cty CP Sacom – Tuyên Lâm (51% VĐL) : 200 tỷ đồng. Cty TNHH Sacom – Chíp Sáng (70% VĐL) : 70 tỷ đồng

- Vốn góp liên doanh:Cty liên doanh Taihan-SaCom (30%VĐL) :133,736 tỷ đồng

- Vốn góp liên kết với 5 công ty cổ phần với tổng vốn góp : 252.743 tỷ đồng giảm 18,750 tỷ đồng so với năm 2009 do thu hồi vốn tại Cty CP Bao bì và Dịch vụ Sam Thịnh , tăng 10,400 tỷ đồng, nâng tổng số vốn tại Cty CP bất động sản Hiệp Phú là 123,385 tỷ đồng (40,00%VĐL).

- Đầu tư tài chính dài hạn vào 11 doanh nghiệp với tổng số vốn là: 533,668 tỷ đồng. Loại hình đầu tư này trong năm giảm 15,626 tỷ đồng do công ty thực hiện bán cổ

phiếu của Quỹ Đầu Tư Prudential, Cty CP Saicom ,Cy CP Anphanam, Cty CP Thăng Long, và tăng vốn đầu tư tại Cty CP Quốc Cường Gia Lai, Cty CP chứng khoán SSI .

b. Nhận cổ tức : Năm 2010 Công ty đã nhận được cổ tức tại 5 doanh nghiệp với số tiền: 17,436 tỷ đồng. Cụ thể: Cty CP Địa Ốc Sacom 667 triệu đồng, Cty CP CK Phố Wall 2 tỷ đồng, Cty Cấp Sài Gòn 5,557 tỷ đồng, Cty CP Vật liệu Sam Cường 1,2 tỷ đồng, Cty CP Tập Đoàn Hòa Phát 8,013 tỷ đồng.

4. Vốn chủ sở hữu, vốn thặng dư và cổ phiếu quỹ:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu :

* Vốn đầu năm : 654.000 triệu đồng

* Vốn cuối năm : 653.992 triệu đồng

Giảm trong năm 7,84 triệu do trong năm 2008 Cty thực hiện tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng có phát sinh số cổ phiếu lẻ chưa phân phối.

- Vốn thặng dư đến 31/12/2010 : 1.571.588.388.875 đồng

Giảm 18.331.659 đồng so với đầu năm 2010 do chênh lệch lỗ bán cổ phiếu quỹ : 120.000 cp (giá bán - phí : 28.628 ; giá mua gốc: 28.781 đ/cp)

Cty chưa thực hiện tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn thặng dư theo nghị quyết của Đại hội cổ đông 2010 là do chưa bán xong phần cổ phiếu quỹ của Công ty theo qui định của Ủy ban chứng khoán.

- Tại thời điểm 31/12/2010 số cổ phiếu quỹ còn là : 1.080.000 CP (với giá bình quân 1 cổ phiếu là 28.781 đồng/CP).

5. Tiền lương:

+ Đơn giá khoán tiền lương (chưa bao gồm thuế TNCN) là 132 đồng/1000 đồng lợi nhuận và mức lương tối thiểu không thấp hơn 6 triệu đồng/người/tháng.

Trong đó: Đơn giá Tiền lương(chưa bao gồm thuế TNCN) cho Ban điều hành là 34 đồng/1000 đồng lợi nhuận và quỹ lương tối thiểu không thấp hơn 2,950 tỷ đồng.

Đơn giá thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2010(chưa bao gồm thuế TNCN) là 9 đồng/1000 đồng lợi nhuận và quỹ lương tối thiểu không thấp hơn 1,244 tỷ đồng.

Kết quả kiểm soát quỹ tiền lương năm 2010 như sau:

Tổng tiền lương khoán năm 2010 theo đơn giá (cả thuế TNCN) trích theo lợi nhuận thực hiện theo báo cáo kiểm toán là : 22.592.293.044 đồng.

Thù lao HĐQT & BKS là : 1.341.902.073 đồng.

Quỹ lương còn lại mang sang 2011 là : 5.984.295.900 đồng.

6. Trả cổ tức : Công ty đã thực hiện chia cổ tức đợt 2/2009 và đợt 1 năm 2010 là 10%/vốn điều lệ với tổng số tiền là : 141,359 tỷ đồng, trong đó cổ tức 2009 là 77,04 tỷ đồng và năm 2010 là 64,319 tỷ đồng, 10% còn lại theo nghị quyết ĐHCĐ năm 2010 chưa thực hiện.

7. Về công tác đầu tư:

7.1. Hoạt động đầu tư

Trong kế hoạch đầu tư theo nghị quyết gồm 7 dự án với tổng mức đầu tư là 307,228 tỷ thì đơn vị đã hoàn thành việc mua QSD & nhà xưởng Sam Thịnh , còn các dự án khác vẫn tiếp tục thực hiện. Riêng dự án cao ốc văn phòng TP.HCM về phần thủ tục để công nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích tăng thêm 483,8m² Công ty đang chờ Sở Tài chính phê duyệt giá đất đối với phần đất này để đóng tiền giá trị SĐĐ và tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Thực hiện đầu tư mua cổ phần của Công ty Quốc Cường Gia lai đã thực hiện mua được 31 tỷ đồng theo nghị quyết ngày 2/4/2010 của HĐQT, đến 31/12/2010 giảm 6.538.675.000 đồng do bán 253.110 cổ phiếu.

Công ty đã thực hiện xong việc mua lại 30% vốn góp của Công ty cổ phần Cấp sài gòn(SCC) tại xí nghiệp SX Cấp quang. Xây dựng dự án khả thi để đầu tư xây dựng nhà máy SX dây đồng, dây dẫn điện từ, thanh cái dẫn điện với công suất 8.000 tấn đồng/năm với vốn đầu tư dự kiến khoảng 5,54 triệu USD.

Tham gia đầu tư vào dự án “ tòa nhà không gian Internet Chíp sáng” giá trị tính đến 31/12/2010 là 70 tỷ đồng.

Hoàn thiện việc bàn giao toàn bộ giá trị đầu tư liên quan đến dự án Sacom Resort mà Công ty CP Sacom đã chi ra cho Công ty CP Sacom-Tuyền Lâm với tổng giá trị bàn giao là 238,662 tỷ đồng. Khoản tiền này hai bên thống nhất : Cty CP Sacom chuyển 200 tỷ đồng góp vốn vào Cty CP Sacom Tuyền Lâm theo biên bản xác nhận góp vốn. Số tiền còn lại 38,662 tỷ đồng là khoản chi phí sử dụng vốn của Sacom Công ty Sacom Tuyền lâm sẽ trả cho Sacom khi huy động đủ vốn điều lệ 500 tỷ từ các cổ đông khác ngoài Sacom. Hiện nay khoản tiền này đơn vị còn đang hạch toán số phải thu của Công ty Sacom – Tuyền Lâm.

7.2. Hoạt động đầu tư căn hộ:

Đến 31/12/2010 tổng số vốn đầu tư vào căn hộ	: 282,057 tỷ đồng.
trong đó : - Căn hộ dự án Giai Việt	: 125,823 tỷ đồng.
- Căn hộ dự án Hoàng Anh Gia lai	: 156,233 tỷ đồng.

8. Tình hình thanh toán công nợ:

Tính đến ngày 31/12/2010 số nợ còn phải thu từ khách hàng của Công ty là 149.889.866.671 đồng. Gồm:

Nợ trong hạn là : 63.959.090.832 đồng (Trong đó: Các đơn vị VNPT nợ 49.167.820.202 đồng chiếm 76,87%).

Nợ quá hạn từ 1 tháng đến 1 năm : 82.929.863.382 đồng (VNPT nợ : 31.063.782415 đồng)

Nợ quá hạn từ trên 1 năm đến 2 năm : 673.716.977 đồng (VNPT nợ : 573.716.977)

Nợ quá hạn từ trên 2 năm : 2.327.195.480 đồng (VNPT nợ : 579.395.480 đồng)

IV- Đánh giá việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông;

1. Công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kế hoạch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành đã triển khai hết sức cụ thể để đạt được kết quả như trên là có sự cố gắng hết sức nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty trong điều kiện cạnh tranh hết sức khó khăn. So với kế hoạch đề ra 2010 chỉ đạt 45,19 % và so với năm 2009 lợi nhuận chỉ bằng 45,19 % vì vậy việc xây dựng kế hoạch năm 2011 của Công ty thực sự là thách thức rất lớn đối với Ban Lãnh đạo Công ty và toàn thể CBCNV.

2. Về Kế hoạch đầu tư trong năm 2010 đơn vị đã thực hiện được cơ bản các dự án đầu tư theo kế hoạch đồng thời triển khai thực hiện thêm một số các dự án mới ngoài lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Công ty.

3. Thực hiện xong công tác đổi tên công ty và tái tổ chức lại bộ máy quản lý cũng như sản xuất để ngày một hiệu quả hơn.

4. Bổ sung 2 thành viên Hội đồng quản trị theo đúng tinh thần nghị quyết của Đại hội cổ đông để tăng cường sức lãnh đạo của Hội đồng quản trị với việc mở rộng các lĩnh vực kinh doanh mới.

5. Công ty cũng đã nỗ lực thực hiện việc hoàn thiện hồ sơ gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa thực hiện được vì chưa bán xong phần cổ phiếu quỹ của Công ty .

6. Ban Tổng Giám đốc điều hành đã được kiện toàn, phân công phân nhiệm lại chức năng nhiệm vụ, bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo đại diện tại các Công ty phù hợp với năng lực cán bộ trong điều kiện tổ chức sản xuất mới, quyết định và phân công người đại diện vốn trong bộ máy lãnh đạo tại các Công ty liên doanh, liên kết với Sacom. Hoàn thiện lại bộ máy quản lý các phòng ban tinh gọn hơn và hiệu quả hơn.

V-Kiến Nghị:

Ban kiểm soát kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành một số vấn đề sau:

1. Hiện nay số vốn của Công ty đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn là 1.300,148 tỷ đồng nhưng trong các năm vừa qua do sản phẩm truyền thống của Công ty cũng như các Công ty con bị cạnh tranh mạnh đã làm giảm mạnh tới lợi nhuận của Công ty, hơn nữa thị trường chứng khoán, bất động sản thiếu tính sôi động đã và đang thách thức tới việc bảo toàn vốn, mất vốn của Công ty vì vậy Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần xem xét lại chiến lược đầu tư theo hướng trọng điểm không dàn trải.

2..Cần rà soát lại các hợp đồng cho vay vốn ngắn hạn cho một số doanh nghiệp để có biện pháp thu hồi vốn, lãi đúng kỳ hạn đảm bảo bảo toàn vốn cho công ty.

3. Hiện nay đơn vị còn đang thực hiện một khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng Vietcombank(VCB) là 55,238 tỷ đồng (2.832.742,05 USD), đề nghị Công ty cân đối để việc cho vay nội tệ và vay ngoại tệ một cách hiệu quả nhất trong tình hình thị trường ngoại tệ có nhiều biến động như hiện nay.

4. Có kế hoạch để thu hồi tiền lãi, cổ tức ở 2 đơn vị Taihan-Sacom và CP Cấp Thăng long nhằm đảm bảo thu hồi vốn nhanh, hiệu quả.

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

PHẦN 5
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2010



Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Ông Lý Kiệt

Sinh năm 1954, Thạc sĩ Viễn thông, Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT)



Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Ông Đỗ Văn Trắc

Sinh năm 1953, Kỹ sư Kinh tế, Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư và Phát triển SACOM



Ủy viên HĐQT Ông Võ Thanh Hòa Bình
Sinh năm 1955, Kỹ sư Hữu Tuyền, Phó Giám Đốc VNPT – TPHCM.



Ủy viên HĐQT Ông Trần Duy Hải
Sinh năm 1971, Thạc sĩ Kinh tế, Giám đốc Công ty tài chính Bưu điện – thuộc VNPT.



Ủy viên HĐQT Ông Nguyễn Văn Hiệu
Sinh năm 1954, Cử nhân kinh tế, Giám Đốc VNPT Bình Dương



Ủy viên HĐQT Ông Lê Đức
Sinh năm 1958, Thạc sĩ Kỹ thuật, Giám Đốc VNPT Khánh Hòa



Ủy viên HĐQT Ông Lê Nam
Sinh năm 1958, Kỹ sư Kinh tế, Giám Đốc VNPT Sóc Trăng



Ủy viên HĐQT Ông Lưu Tường Bách
Sinh năm 1967, TGD CTDV & ĐT Song Ngân. Phó chủ tịch quỹ Anpha



Ủy viên HĐQT Ông Tạ Huy Tuyền,
sinh năm 1959. Kỹ sư xây dựng. TGD Công ty CP SACOM – Tuyền Lâm

2. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC SACOM



**Tổng Giám Đốc
Ông Đỗ Văn Trắc**

Sinh năm 1953, Kỹ sư
Kinh tế.

Phó chủ tịch Hội Đồng
Quản Trị kiêm Tổng
Giám Đốc SACOM.



**Phó Tổng Giám Đốc
Bà Hồ Thị Thu Hương**
Sinh năm 1959,
Cao đẳng Kinh tế Bưu điện



**Phó Tổng Giám Đốc
Bà Phạm Thị Lợi**
Sinh năm 1960,
Cử nhân Tài chính Kế toán



**Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Văn Kiều**
Sinh năm 1970,
Thạc sỹ kỹ thuật

3. BAN KIỂM SOÁT



**Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Xuân Nghĩa**
Sinh năm 1964, Cử nhân kinh tế,
Kế toán trưởng VNPT Lâm Đồng



**Ủy viên Ban kiểm soát
Ông Bùi Bửu Tông**
Sinh năm 1973, Cử nhân Tài chính tín dụng,
Kế toán trưởng VNPT Cần thơ Hậu Giang



**Ủy viên Ban kiểm soát –
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương**
Sinh năm 1959, Cử nhân Tài chính kế toán,
Trưởng phòng KHKD của VNPT – TP HCM

4. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

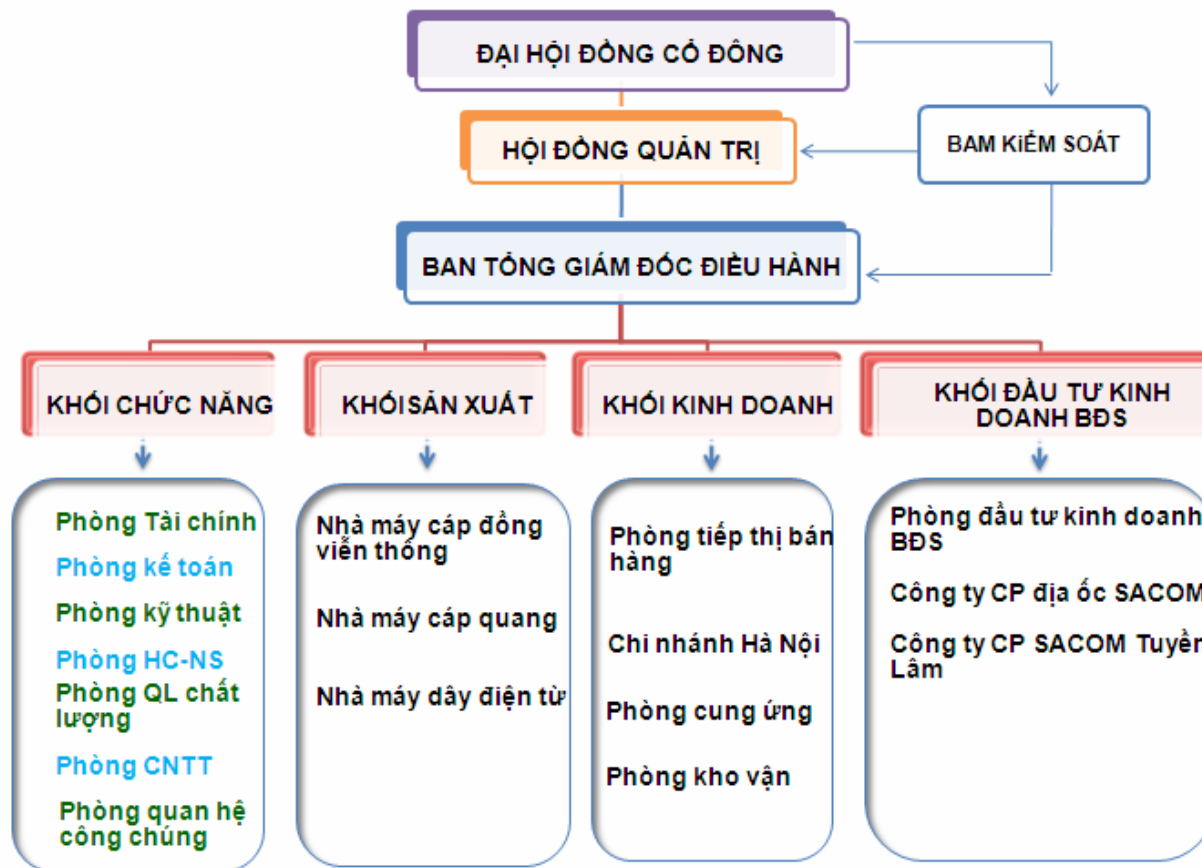
Các dữ liệu thống kê về cổ đông (ngày 16/2/2011)

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

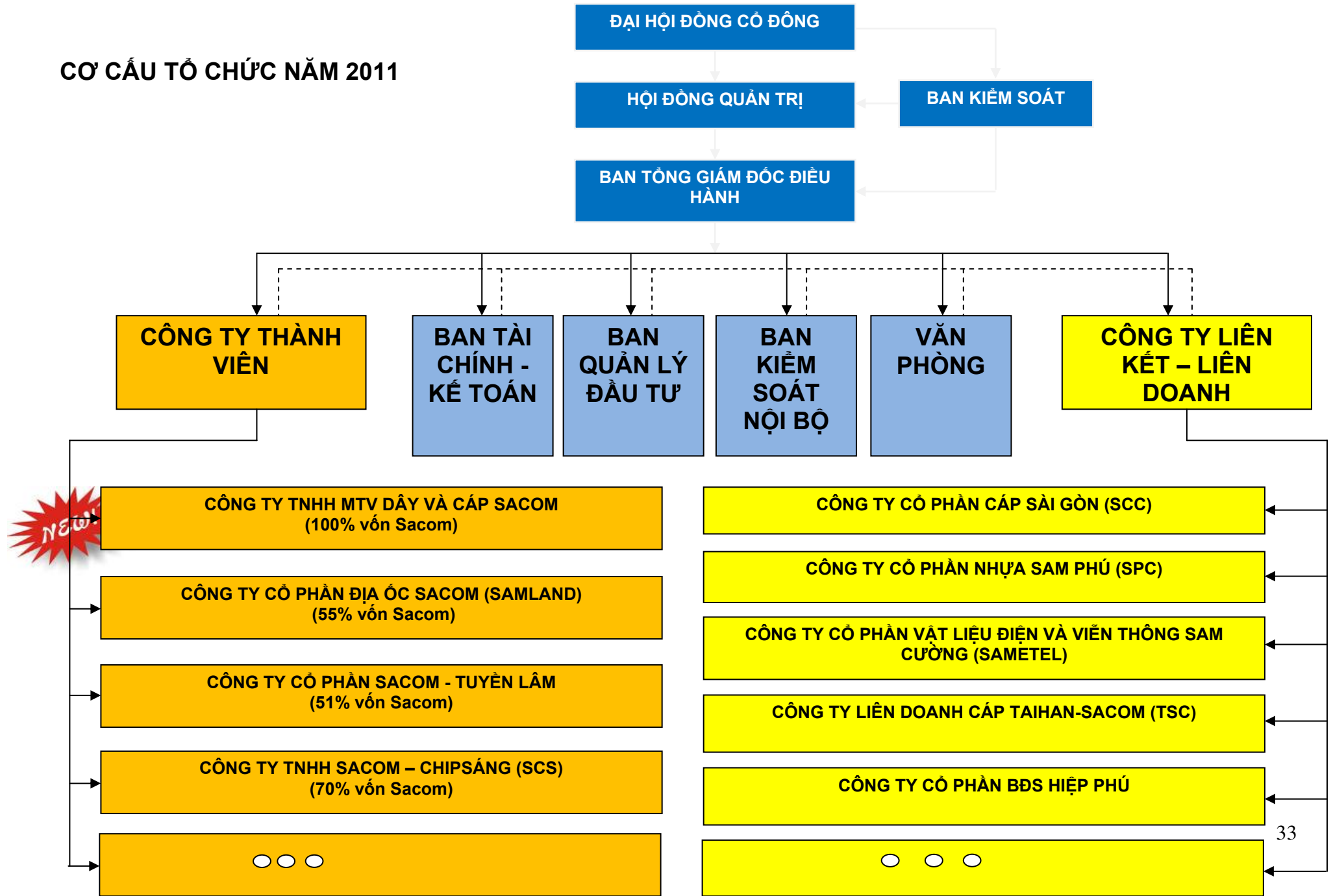
Danh mục	Giá trị cổ phiếu (1.000 đồng)	%	Số lượng Cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<u>Vốn cổ phần:</u>					
+ Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu trở lên có quyền biểu quyết)	202.888.960	31,02%	1	1	
+ Cổ đông nắm giữ từ 1- dưới 5 % có quyền biểu quyết.	65.733.420	10,05%	4	3	1
+ Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	374.569780	57,27%	11.702	138	11.564
+ Cổ phiếu quỹ	10.800.000	1,65%	1	1	
Tổng cộng	653,992,160		11.708	143	11.565
Bao gồm:					
- Vốn nhà nước:	202.888.960	31,02%	1	1	
- Vốn nước ngoài:	91.282.680	13,96%	871	36	835

PHẦN 6 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

CƠ CẤU TỔ CHỨC NĂM 2010



CƠ CẤU TỔ CHỨC NĂM 2011



PHẦN 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 8
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	9
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10 – 11
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	12 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM (tên cũ: Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông, sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM là công ty cổ phần được thành lập theo quyết định số 995/1997/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB ngày 07 tháng 02 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số cũ 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 03 năm 1998 và thay đổi lần 11 vào ngày 06 tháng 08 năm 2010 theo mã doanh nghiệp là 3600253537.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, Bobin gỗ (trục gỗ dung quấn dây cáp). Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại. Cho thuê văn phòng (hoạt động ngoài tỉnh). Đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh sân golf. Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Kiệt	Chủ tịch	
Ông Đỗ Văn Trắc	Phó Chủ tịch	
Ông Võ Thanh Hòa Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hiệu	Thành viên	
Ông Lê Nam	Thành viên	
Ông Lê Đức	Thành viên	
Ông Trần Duy Hải	Thành viên	
Ông Lưu Tường Bách	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/05/2010
Ông Tạ Huy Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/05/2010

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Trắc	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Xuân Nghĩa	Trưởng ban
Ông Bùi Bửu Tông	Thành viên
Ông Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Văn Trắc

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Số :/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM được lập ngày 15/01/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		909.636.891.296	1.141.233.328.778
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		260.391.209.319	460.128.385.485
1. Tiền	111	V.1	260.391.209.319	460.128.385.485
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.798.888.889	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	58.798.888.889	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		322.498.776.775	248.324.812.190
1. Phải thu khách hàng	131		149.889.866.671	168.516.113.872
2. Trả trước cho người bán	132		86.389.291.980	69.123.816.449
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	88.424.289.941	14.033.301.667
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.204.671.817)	(3.348.419.798)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	264.496.029.027	404.315.176.833
1. Hàng tồn kho	141		264.496.029.027	409.576.697.383
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(5.261.520.550)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.451.987.286	28.464.954.270
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.857.586.977	25.475.296.569
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	1.709.402.573
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	594.400.309	1.280.255.128
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.745.656.839.767	1.518.589.457.741
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		449.611.719.271	403.102.589.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	97.456.928.228	96.673.227.092
- Nguyên giá	222		364.235.317.860	347.367.169.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(266.778.389.632)	(250.693.942.156)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.211.375.600	12.063.706.891
- Nguyên giá	228		4.561.206.200	14.416.740.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.349.830.600)	(2.353.033.287)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	349.943.415.443	294.365.655.799

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	10.098.457.819	10.098.457.819
- Nguyên giá	241		11.211.821.819	11.211.821.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.113.364.000)	(1.113.364.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.235.912.117.952	989.594.515.039
1. Đầu tư vào công ty con	251		380.000.000.000	110.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		386.479.326.450	394.829.326.450
3. Đầu tư dài hạn khác	258		533.668.707.473	549.294.197.979
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(64.235.915.971)	(64.529.009.390)
V. Tài sản dài hạn khác	260		50.034.544.725	115.793.895.101
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	50.034.544.725	5.793.895.101
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	110.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.655.293.731.063	2.659.822.786.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.530.370.529	244.210.169.366
I. Nợ ngắn hạn	310		277.087.286.166	243.933.709.403
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	55.238.469.975	-
2. Phải trả người bán	312		11.707.529.672	100.290.420.649
3. Người mua trả tiền trước	313		4.202.507.069	1.182.121.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	7.255.738.156	30.560.316.626
5. Phải trả người lao động	315		5.984.295.900	13.364.145.647
6. Chi phí phải trả	316	V.15	291.904.075	605.269.930
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	186.633.194.957	86.357.197.017
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.773.646.362	11.574.238.034
II. Nợ dài hạn	330		443.084.363	276.459.963
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		443.084.363	276.459.963
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.377.763.360.534	2.415.612.617.153
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.377.763.360.534	2.415.612.617.153
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		653.992.160.000	654.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.571.588.388.875	1.571.606.720.534
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(31.083.494.932)	(34.537.216.591)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		89.543.918.549	89.536.078.549
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		48.508.785.203	43.103.048.038
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		12.776.610.204	12.886.610.204
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.436.992.635	79.017.376.419
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.655.293.731.063	2.659.822.786.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		20.341,42	185.295,29
- CNY		1.500,00	1.500,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường

Đỗ Văn Trắc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Đơn vị tính:
VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	815.850.718.972	425.469.260.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	30.432.625	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	815.820.286.347	425.469.260.981
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	687.078.060.903	393.247.002.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		128.742.225.444	32.222.258.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	67.805.633.504	139.049.666.589
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	22.381.685.962	(153.187.766.191)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		338.494.260	965.286.044
8. Chi phí bán hàng	24		24.289.501.579	14.919.711.829
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.419.002.735	27.619.273.827
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.457.668.672	281.920.705.357
11. Thu nhập khác	31		258.418.920	1.161.828.808
12. Chi phí khác	32		-	474.821.666
13. Lợi nhuận khác	40		258.418.920	687.007.142
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		127.716.087.592	282.607.712.499
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	19.601.344.294	27.810.856.725
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		108.114.743.298	254.796.855.774

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường

Đỗ Văn Trắc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		127.716.087.592	282.607.712.499
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		17.118.208.748	18.092.243.862
- Các khoản dự phòng	03		(6.698.361.950)	(187.919.118.327)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(55.970.655.559)	(123.052.882.865)
- Chi phí lãi vay	06		338.494.260	965.286.044
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82.503.773.091	(9.306.758.787)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(63.777.095.698)	(110.091.508.831)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		145.080.668.356	(103.154.099.941)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.674.259.564	134.348.099.394
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(44.240.649.624)	(2.809.987.964)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(338.494.260)	(965.286.044)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(44.393.280.998)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	24.367.187.796
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.662.023.764)	(288.876.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.847.156.667	(67.901.230.942)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(73.043.097.494)	(232.940.137.845)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		217.200.000	1.275.193.278
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.798.888.889)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	19.988.502.152
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(198.023.711.413)	(217.436.294.413)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		61.999.201.919	221.756.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.084.850.962	132.876.805.418
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(256.564.444.915)	(74.479.931.410)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.453.721.659	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		55.238.469.975	311.265.303.426
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(311.265.303.426)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.712.079.552)	(63.967.385.168)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.019.887.918)	(63.967.385.168)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(199.737.176.166)	(206.348.547.520)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		460.128.385.485	666.476.933.005
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	260.391.209.319	460.128.385.485

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường

Đỗ Văn Trác

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2010**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM (tên cũ: Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông) là công ty cổ phần được thành lập theo quyết định số 995/1997/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB ngày 07 tháng 02 năm 1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số cũ 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 03 năm 1998 và thay đổi lần 11 vào ngày 06 tháng 08 năm 2010 theo mã doanh nghiệp là 3600253537.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Thành phố biên hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, Bobin gỗ (trục gỗ dung quần dây cáp). Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại. Cho thuê văn phòng (hoạt động ngoài tỉnh). Đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh sân golf. Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2010/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

4. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty dùng trích khấu hao cho bất động sản đầu tư từ năm 2008 theo biên bản kiểm toán nhà nước tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai ngày 28 tháng 08 năm 2008.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	20.822.821	72.948.066
Tiền gửi ngân hàng	260.370.386.498	460.055.437.419
Cộng	260.391.209.319	460.128.385.485

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	58.798.888.889	-
- Cho Công ty Cổ phần Hiệp Phú vay	52.240.000.000	-
- Ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH quản lý quỹ SSI	3.458.888.889	-
- Cho công ty CP vật liệu điện và viễn thông Sam Cường vay	3.100.000.000	-
Cộng	58.798.888.889	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng	46.899.102.708	2.515.466.761
- Công ty CP nhựa Sam Phú	531.070.820	1.038.327.548
- Công ty CP địa ốc Sacom	2.280.649.544	-
- Công ty CP bất động sản hiệp Phú	4.433.870.000	-
- Phải thu từ giá trị đầu tư dự án Resort (*)	38.662.534.316	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng	990.978.028	1.477.139.213
Phải thu tiền góp vốn lập Ngân hàng Kinh Bắc	500.000.000	500.000.000
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	10.282.288.223	10.282.288.223
- Công ty CP Viễn thông Thăng Long	2.947.331.506	2.947.331.506
- Công ty Liên Doanh Cấp Taihan-Sacom	7.334.956.717	7.334.956.717
Phải thu Công ty CP địa ốc Sacom	30.255.011.900	-
Phải thu khác	487.887.110	735.546.683
Cộng	88.424.289.941	14.033.301.667

(*) **Ghi chú** : Xem thuyết minh trang 23.

4. Hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	884.820.180	75.884.994.180
Nguyên liệu, vật liệu	178.158.453.604	254.748.141.650
Công cụ, dụng cụ	1.122.841.890	1.163.290.520
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.451.899.822	12.810.055.002
Thành phẩm	52.920.665.322	64.297.843.649
Hàng hoá	1.957.348.209	672.372.382
Cộng	264.496.029.027	409.576.697.383
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	5.261.520.550
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	264.496.029.027	404.315.176.833
5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.709.402.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Cộng	-	1.709.402.573
6. Tài sản ngắn hạn khác		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	551.544.584	1.237.399.403
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.855.725	42.855.725
Cộng	594.400.309	1.280.255.128

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu năm	43.772.966.344	288.323.180.731	11.957.960.362	3.313.061.811	347.367.169.248
Số tăng trong năm	11.471.460.000	5.877.772.984	-	116.104.866	17.465.337.850
- Mua sắm mới	11.471.460.000	5.877.772.984	-	116.104.866	17.465.337.850
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	16.500.000	-	580.689.238	-	597.189.238
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	580.689.238	-	580.689.238
- Giảm khác	16.500.000	-	-	-	16.500.000
Số dư cuối năm	55.227.926.344	294.200.953.715	11.377.271.124	3.429.166.677	364.235.317.860
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu năm	24.837.958.336	215.074.676.187	8.035.959.809	2.745.347.824	250.693.942.156
Khấu hao trong năm	2.739.727.513	12.329.458.471	1.227.995.703	367.955.027	16.665.136.714
Giảm trong năm	-	-	580.689.238	-	580.689.238
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	580.689.238	-	580.689.238
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	27.577.685.849	227.404.134.658	8.683.266.274	3.113.302.851	266.778.389.632
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình					
Tại ngày đầu năm	18.935.008.008	73.248.504.544	3.922.000.553	567.713.987	96.673.227.092
Tại ngày cuối năm	27.650.240.495	66.796.819.057	2.694.004.850	315.863.826	97.456.928.228

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.234.883.978	2.181.856.200	14.416.740.178
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	9.855.533.978	-	9.855.533.978
Số dư cuối năm	2.379.350.000	2.181.856.200	4.561.206.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.774.378.787	578.654.500	2.353.033.287
Số tăng trong năm	109.505.934	343.566.100	453.072.034
Số giảm trong năm	456.274.721	-	456.274.721
Số dư cuối năm	1.427.610.000	922.220.600	2.349.830.600
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.460.505.191	1.603.201.700	12.063.706.891
Tại ngày cuối năm	951.740.000	1.259.635.600	2.211.375.600

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	349.943.415.443	294.365.655.799
- Công trình xây dựng Cao ốc văn phòng Điện Biên Phủ	67.886.243.300	59.286.243.300
- Công trình Resort Đà Lạt	-	24.076.225.910
- Chi phí mua nhà xưởng Sam Thịnh	-	45.000.000.000
- Chi phí mua căn hộ dự án Giai Việt	125.823.493.143	132.556.925.000
- Chi phí mua căn hộ Hoàng Anh Gia Lai	156.233.679.000	32.942.983.500
- Chi phí xây dựng dở dang khác	-	503.278.089
Cộng	349.943.415.443	294.365.655.799

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	11.211.821.819	-	-	11.211.821.819
Quyền sử dụng đất	11.211.821.819	-	-	11.211.821.819
Nhà	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	1.113.364.000	-	-	1.113.364.000
Quyền sử dụng đất	1.113.364.000	-	-	1.113.364.000
Nhà	-	-	-	-
Giá trị còn lại	10.098.457.819	-	-	10.098.457.819
Quyền sử dụng đất	10.098.457.819	-	-	10.098.457.819
Nhà	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Giá trị quyền sử dụng lô đất có diện tích 65.492m² (nguồn gốc từ đất nông nghiệp) tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào tháng 12/2003. Thời hạn sử dụng đất từ 40-50 năm. Công ty không trích khấu hao phần đất này theo biên bản kiểm toán nhà nước tại cục thuế tỉnh Đồng Nai ngày 26/08/2008.

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	380.000.000.000	110.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	386.479.326.450	394.829.326.450
Đầu tư dài hạn khác	533.668.707.473	549.294.197.979
- Quỹ Đầu tư Prudential - 150.000 cổ phiếu	1.545.000.000	2.060.000.000
- Công ty CP Du lịch Bru Điện - 300.000 cổ phiếu	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Saicom	-	500.000.000
- Công ty Xây lắp và Dịch vụ Khánh Hòa - 65.000 cổ phiếu	613.548.000	613.548.000
- Công ty CP Anphanam - 180.000 cổ phiếu	7.243.518.147	41.146.000.000
- Công ty CP Momota - 500.000 cổ phiếu	13.500.000.000	13.500.000.000
- Công ty CP Hòa Phát - 4.006.650 cổ phiếu	160.112.294.413	160.112.294.413
- Công ty CP Thăng Long	-	12.828.000.000
- Công ty TNHH Thăng Long	9.630.635.500	8.935.476.000
- Công ty Cp Chứng khoán Phố Wall - 2.000.000 cổ phiếu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Quỹ tầm nhìn SSI – 28.000.000 chứng chỉ quỹ	280.000.000.000	280.000.000.000
- Công ty CP Quốc Cường Gia Lai - 946.890 cổ phiếu	24.461.325.000	-
- Công ty CP chứng khoán SSI - 375.000 cổ phiếu	13.562.386.413	-
- Pacific Communication Campuchia	-	6.598.879.566
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(64.235.915.971)	(64.529.009.390)
Cộng	1.235.912.117.952	989.594.515.039

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh bao gồm:

Tên công ty	31/12/2010		01/01/2010	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND
Đầu tư vào công ty con		380.000.000.000		110.000.000.000
Công ty CP Địa Ốc Sacom	55,00%	110.000.000.000	55,00%	110.000.000.000
Công ty CP Sacom - Tuyên Lâm	51,00%	200.000.000.000		-
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	70,00%	70.000.000.000		-
Đầu tư vào công ty liên kết		386.479.326.450		394.829.326.450
Công ty Liên doanh cấp Taihan-Sacom	30,00%	133.736.136.450	30,00%	133.736.136.450
Công ty CP Bao bì và Dịch vụ Sam Thịnh	-	-	35,43%	18.750.000.000
Công ty CP Nhựa Sam Phú	25,10%	12.548.190.000	25,10%	12.548.190.000
Công ty CP Cấp Sài Gòn	31,14%	107.310.000.000	31,14%	107.310.000.000
Công ty Cp Vật liệu điện và Viễn thông Sam cường	30,00%	7.500.000.000	30,00%	7.500.000.000
Công ty CP khu công nghiệp Hải Phòng	20,00%	2.000.000.000	20,00%	2.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Hiệp Phú	40,00%	123.385.000.000	40,00%	112.985.000.000

(*) **Ghi chú:** Quyền biểu quyết của công ty trong các công ty con, công ty liên doanh liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại các công ty này.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí phục vụ dự án cao ốc Văn phòng	133.680.416	1.126.334.353
Chi phí phục vụ dự án Resort Đà Lạt.	-	4.667.560.748
Chi phí dự án Cấp quang	7.127.767.013	-
Giá trị còn lại chi phí thuê đất (*)	42.658.466.191	-
Chi phí phục vụ dự án dây điện từ	114.631.105	-
Cộng	50.034.544.725	5.793.895.101

(*) **Ghi chú:** Là giá trị còn lại của tiền thuê đất trả một lần của hai lô đất tại KCN Long Thành:

- Lô diện tích 34.444,2 m² có thời gian thuê còn lại đến tháng 10/2053.
- Lô diện tích 22.657 m² có thời gian thuê còn lại đến tháng 05/2053.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	55.238.469.975	-
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietcombank (*)	55.238.469.975	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	55.238.469.975	-

(*) Vay ngắn hạn ngân hàng Vietcombank theo Hợp đồng tín dụng số 0340/KH/09NH ngày 17/09/2009 và Hợp đồng tín dụng số 0244/KH/10NH ngày 02/12/2010, số dư nợ vay đến 31/12/2010 là 55.238.469.975 đồng (tương đương 2.832.742,05 USD), thời hạn vay tối đa là 06 tháng cho từng lần nhận nợ và lãi suất vay thỏa thuận theo từng lần nhận nợ.

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.307.779.435	2.594.556.866
Thuế nhập khẩu	96.633.841	154.903.035
Thuế thu nhập cá nhân	832.404.859	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.018.920.021	27.810.856.725
Cộng	7.255.738.156	30.560.316.626

15. Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước thù lao HĐQT	291.904.075	605.269.930
Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	291.904.075	605.269.930

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	5.001.301	653.024.283
Bảo hiểm xã hội, y tế	-	26.667.705
Cổ tức phải trả	63.897.747.440	1.250.610.992
Các khoản phải trả, phải nộp khác	122.730.446.216	84.426.894.037
- Công ty CP Cấp Sài Gòn (Dự án Cấp quang)	-	30.000.000.000
- Pacific Communication Campuchia	-	485.111.939
- Khoản góp vốn Dự án căn hộ Giai Việt	83.885.011.900	53.630.000.000
- Phải trả khác(*)	38.845.434.316	311.782.098
Cộng	186.633.194.957	86.357.197.017

(*) **Ghi chú:** Trong đó có 38.662.534.316 đồng tương ứng với tiền lãi phải thu Công ty cổ phần Sacom Tuyền Lâm về chi phí sử dụng vốn từ khi Công ty bắt đầu đầu tư đến khi công ty Bàn giao tài sản cho Công ty Cổ phần Sacom Tuyền Lâm. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2010 do có một cổ đông sáng lập chưa thực hiện góp vốn nên chưa xác nhận nghĩa vụ phải trả Sacom khoản chi phí này. Khoản phải trả này sẽ được ghi nhận vào thu nhập của Sacom khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sacom Tuyền Lâm thông qua vấn đề này.

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	654.000.000.000	1.563.030.722.378	(57.562.018.435)	77.617.139.953	34.158.108.676	12.936.610.204	(75.898.068.543)
<i>Lãi trong năm trước</i>							254.796.855.774
<i>Trích lập các quỹ</i>				11.918.938.596	8.944.939.362		(34.542.761.289)
<i>Tăng khác</i>		8.575.998.156	-				-
<i>Chia cổ tức năm trước</i>							(63.999.216.000)
<i>Giảm khác</i>			23.024.801.844			(50.000.000)	(1.339.433.523)
Số dư cuối năm trước	654.000.000.000	1.571.606.720.534	(34.537.216.591)	89.536.078.549	43.103.048.038	12.886.610.204	79.017.376.419
Số dư đầu năm nay	654.000.000.000	1.571.606.720.534	(34.537.216.591)	89.536.078.549	43.103.048.038	12.886.610.204	79.017.376.419
<i>Lãi trong năm nay</i>						-	108.114.743.298
<i>Tăng khác</i>				7.840.000			
<i>Trích lập các quỹ</i>					5.405.737.165		(10.053.810.427)
<i>Chia cổ tức đợt 2/2009, đợt 1/2010</i>							(141.359.216.000)
<i>Giảm khác</i>	(7.840.000)	(18.331.659)	3.453.721.659			(110.000.000)	(2.282.100.655)
Số dư cuối kỳ này	653.992.160.000	1.571.588.388.875	(31.083.494.932)	89.543.918.549	48.508.785.203	12.776.610.204	32.436.992.635

(*) Ghi chú:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong năm là do: Trong năm 2008 Công ty thực hiện tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng từ 545 tỷ đồng lên 654 tỷ đồng có phát sinh số cổ phiếu lẻ chưa được phân phối. Công ty đã điều chỉnh giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng quỹ đầu tư phát triển giá trị số cổ phiếu lẻ này.
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2010 được tạm trích, số chính thức sẽ được thông qua Đại hội cổ đông thường niên.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	%	01/01/2010 VND	%
Vốn góp của nhà nước	202.888.944.000	31,02%	202.888.944.000	31,02%
Vốn góp của các đối tượng khác	451.103.216.000	68,98%	451.111.056.000	68,98%
Cộng	653.992.160.000	100%	654.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	654.000.000.000	654.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	7.840.000	-
Vốn góp cuối năm	653.992.160.000	654.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.400.000	65.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.399.216	65.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.399.216	65.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.080.000	1.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.080.000	1.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.319.216	64.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	64.319.216	64.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	763.339.434.153	422.951.142.529
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.511.284.819	2.518.118.452
Cộng	815.850.718.972	425.469.260.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	7.632.625	-
Hàng bán bị trả lại	22.800.000	-

Cộng	30.432.625	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	763.309.001.528	422.951.142.529
Doanh thu thuần dịch vụ	52.511.284.819	2.518.118.452
Cộng	815.820.286.347	425.469.260.981
4. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán	692.339.581.453	393.247.002.748
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.261.520.550)	-
Cộng	687.078.060.903	393.247.002.748
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.031.737.594	64.912.790.723
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.436.749.315	57.453.085.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.250.982.882	4.282.282.219
Lãi bán cổ phiếu	10.801.195.063	12.401.508.647
Doanh thu hoạt động tài chính khác	284.968.650	-
Cộng	67.805.633.504	139.049.666.589
6. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	338.494.260	965.286.044
Lỗ chênh lệch tỷ giá	454.706.427	9.182.362.678
Lỗ bán cổ phiếu	12.295.993.063	27.437.943.381
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	9.292.492.212	(190.773.358.294)
Cộng	22.381.685.962	(153.187.766.191)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 15% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.716.087.592	282.607.712.499
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(16.059.494.704)	(123.688.531.213)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.377.254.611	7.798.761.919
+ <i>Thù lao HĐQT không tham gia điều hành</i>	1.377.254.611	-
+ <i>Khoản điều chỉnh tăng khác</i>	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	17.436.749.315	131.487.293.132
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	17.436.749.315	15.978.085.000
+ <i>Lỗ năm trước chuyển sang</i>	-	115.509.208.132
Tổng thu nhập chịu thuế	111.656.592.888	158.919.181.286
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 15%	83.128.039.275	-
- Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%	28.528.553.613	158.919.181.286
+ <i>Thu nhập khác từ hoạt động tài chính</i>	27.987.198.227	-
+ <i>Thu nhập khác từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	541.355.386	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm năm 2009	-	11.918.938.596
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.601.344.294	27.810.856.725

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	473.823.797.410	245.937.342.931
Chi phí nhân công	23.907.793.046	24.709.262.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.118.208.748	18.092.243.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.942.626.258	17.141.319.248
Chi phí khác bằng tiền	22.214.229.905	10.929.171.625
Cộng	561.006.655.367	316.809.340.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm 2010, Công ty đã hạch toán tăng khoản đầu tư vào Công ty CP Sacom - Tuyên Lâm bằng khoản tiền ký quỹ cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng làm ảnh hưởng đến các khoản mục của báo cáo lưu chuyển tiền tệ là 110.000.000.000 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm 2010, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch phải thu(VND)
Công ty CP Địa Ốc Sacom	Công ty con	Mua hàng Bán hàng	953.105.284 7.106.926.500

		Lãi cho vay	1.601.375.107
		Nhận lợi nhuận đầu tư	679.274.437
		Cho vay góp vốn dự án	30.255.011.900
Công ty CP Sacom Tuyên Lâm	Công ty con	Bán hàng	50.571.187.018
Công ty Liên doanh cáp Taihan-Sacom	Công ty liên doanh	Mua hàng	14.971.661.997
		Bán hàng	22.048.943.154
Công ty CP Cáp Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua hàng	10.957.754.500
		Bán hàng	7.551.264.490
Công ty Cp Vật liệu điện và Viễn thông Sam cường	Công ty liên kết	Mua hàng	833.947.400
		Bán hàng	7.598.525.955
Công ty CP bất động sản Hiệp Phú	Công ty liên kết	Lãi cho vay	4.433.870.000

Cho đến ngày kết thúc niên độ lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị khoản phải thu / (phải trả) (VND)
Công ty Cp Địa Ốc Sacom	Công ty con	33.195.445.819
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty con	5.500.000
Công ty Liên doanh cáp Taihan-Sacom	Công ty liên doanh	13.655.325.206
	Công ty liên kết	531.070.820
Công ty CP nhựa Sam Phú		(853.056.516)
Công ty CP bất động sản Hiệp Phú	Công ty liên kết	4.433.870.000
Công ty Cp Vật liệu điện và Viễn thông Sam cường	Công ty liên kết	(659.100.497)
Công ty CP Sacom - Tuyên Lâm	Công ty con	38.662.534.316

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại theo thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2009	Số liệu tại ngày 01/01/2010 (phân loại lại)	Tăng / (giảm)
Nợ ngắn hạn	232.359.471.369	243.933.709.403	11.574.238.034
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	11.574.238.034	11.574.238.034
Nguồn kinh phí	11.574.238.034	-	(11.574.238.034)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.574.238.034	-	(11.574.238.034)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Trường

Đỗ Văn Trắc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2011

PHẦN 8

THÔNG TIN VỀ CÁC CHI NHÁNH – NHÀ MÁY – CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN-LIÊN DOANH-LIÊN KẾT

1. THÔNG TIN VỀ CÁC CHI NHÁNH - NHÀ MÁY VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

➤ CÁC CHI NHÁNH VÀ NHÀ MÁY TRỰC THUỘC SACOM

Chi nhánh Hà Nội

Đ/c: 20 Trần Quốc Toản, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm Hà Nội
Tel/ Fax: (04) 3971 3686



Nhà máy Cấp Viễn Thông

KCN Biên hòa 1, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (061) 3830936 ; Fax (061) 3830933



Nhà máy Dây điện tử

Khu công nghiệp Long Thành – Đồng nai
Lô AI-4, ĐS 4, KCN Long Thành,
Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh
Đồng Nai



Nhà máy Cấp quang

Lô AI-5+6A, ĐS 4, KCN Long Thành,
Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh
Đồng Nai
ĐT: (061) 3514332 ; Fax (061) 3514331
Email: capquang@sacom.com.vn

➤ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN



Công ty Cổ phần Địa ốc SACOM (SAMLAND)

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai
VPGD: 152/11B Điện Biên Phủ, P.25
Quận Bình Thạnh, TP.HCM - **Lầu 5**
Tel: (08) 35120002 – Fax: (08) 35126392
Web: www.samland.com.vn –
Email: info@samland.com.vn

Sàn giao dịch BĐS SAMLAND

61 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22,
Q. Bình Thạnh, TP HCM
ĐT: (08) 35140691
Fax: (08) 3512 6392



Công ty Cổ phần SACOM-Tuyền Lâm

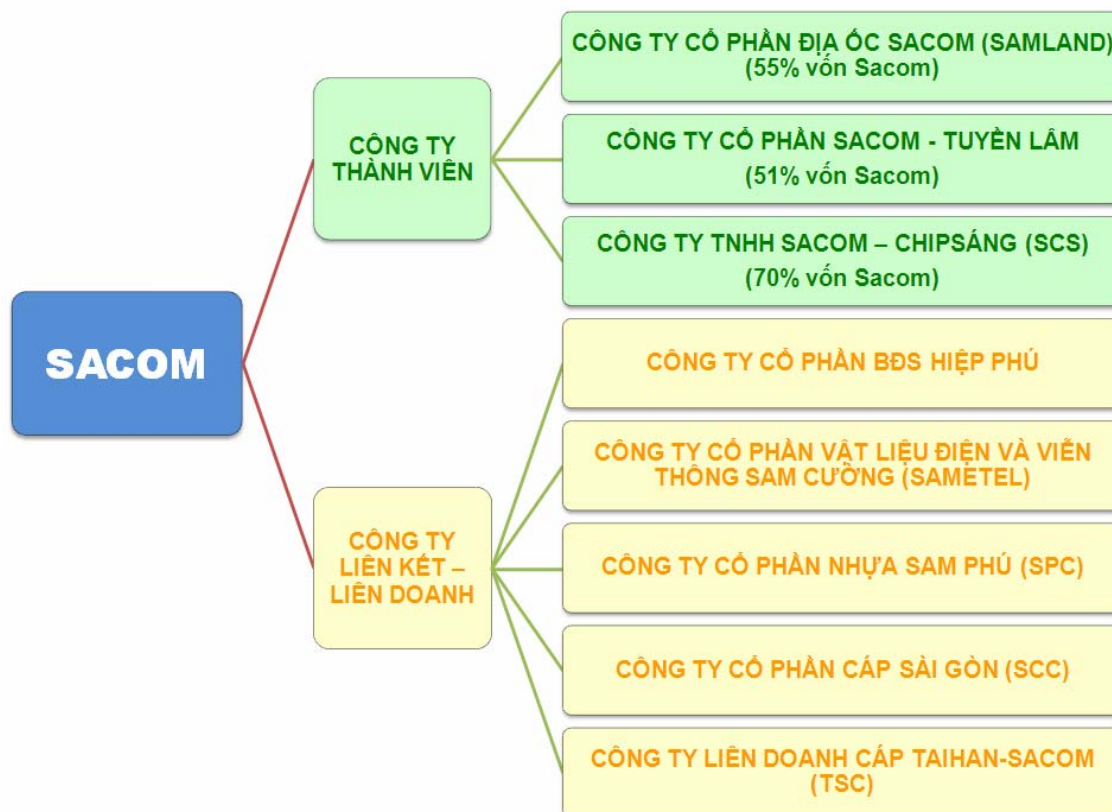
Đ/c: Số 10B Hoàng Văn Thụ, Phường 4,
Đà Lạt, Lâm Đồng
ĐT: (063) 3420480 - Fax: (063) 3420480
Web: www.dalatgolfresort.com.vn



CÔNG TY TNHH SACOM - CHÍP SÁNG (SCS)

Đ/c: Lô T2-4, Khu công nghiệp cao, đường D1, Q.9,
TP HCM
VPGD: 152/11B Điện Biên Phủ, P.25
Quận Bình Thạnh, TP.HCM - **Lầu 5**
ĐT: 08) 351 222 77
Fax: 08) 351 222 88
E-mail: info@scs.vn

2. HỆ THỐNG CÔNG TY THÀNH VIÊN - LIÊN DOANH – LIÊN KẾT NĂM 2010



- 01. Tờ trình trích lập các quỹ năm 2010;**
- 02. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2011;**
- 03. Tờ trình về tổ chức nhân sự của SACOM Group**
- 04. Tờ trình sửa đổi điều lệ hoạt động Công ty;**
- 05. Tờ trình cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011-2015**
- 06. Tờ trình quỹ lương, đơn giá tiền lương năm 2011 của Công ty, thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2011;**